TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 19 - 11 - 2018.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Phùng.

Ông Đoàn Văn Lắm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Trọng Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 262/2018/TLST - HNGĐ, ngày 09/8/2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2018/QĐXXST - HNGĐ, ngày 02/10/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Quách Thị Kim H, sinh năm 1991 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh Trần Thanh C, sinh năm 1983 (vắng mặt không lý do).

Nơi cư trú: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 09/8/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Quách Thị Kim H trình bày: Chị và anh Trần Thanh C kết hôn do quen biết, tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 07/12/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì ly thân do anh C cờ bạc, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường hay cự cãi. Thời gian ly thân có hàn gắn nhưng không thành. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh C. Con chung Trần Quách Kim Y,

sinh ngày 24/10/2012 hiện nay đang sống chung với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có.

Bị đơn anh Trần Thanh C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa ông Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 53, 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị H được ly hôn với anh C, về con chung chị H trực tiếp nuôi cháu Trần Quách Kim Y, sinh ngày 24/10/2012 hiện nay đang sống chung với chị H, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu. Tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn anh Trần Thanh C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nêncăn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt anh C là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh C, Hội đồng xét xử thấy rằng anh chị kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 07/12/2011, quá trình kết hôn tuân thủ đúng các quy định về hôn nhân và gia đình nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc đến năm 2014 thì ly thân, theo chị H trình bày thì nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh C cờ bạc, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường hay cự cãi, tại phiên tòa chị H cương quyết xin ly hôn với anh C. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa chị H và anh C chỉ tồn tại trong thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân, thời gian ly thân anh chị không hàn gắn đoàn tụ được, anh C trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần mời anh đến Tòa án để hòa giải hàn gắn tình cảm với chị H nhưng anh C không đến Tòa án, điều đó chứng tỏ anh có ý thức bỏ mặc, không quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó có căn cứ để xác định mâu thuẫn tình cảm giữa chị H và anh C là đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị H và anh C có 01 con chung tên Trần Quách Kim Y, sinh ngày 24/10/2012 hiện nay đang sống chung với chị H, khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con, đối với anh C không có yêu cầu gì đối với con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi anh chị sống ly thân đến nay thì cháu Y sống chung với chị H nên có tình cảm thân thiết với mẹ hơn, đồng thời để bảo đảm sự ổn định trong cuộc sống của cháu cần để cho chị H tiếp tục nuôi con là phù hợp. Do chị H

không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của chị nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh C.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày không có, anh C cũng không có yêu cầu giải quyết về các vấn đề này nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xác định anh chị có tài sản chung và nợ chung hay không nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp thì những người có quyền, lợi ích liên quan có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Chị Quách Thị Kim H phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của ông Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Quách Thị Kim H.

Chị Quách Thị Kim H được ly hôn với anh Trần Thanh C.

[2] Về con chung: Chị Quách Thị Kim H trực tiếp nuôi cháu Trần Quách Kim Y, sinh ngày 24/10/2012 hiện nay đang sống chung với chị H, anh Trần Thanh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ nộp án phí: Án phí ly hôn chị Quách Thị Kim H phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxx, ngày 09/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre nên không còn phải nộp thêm.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[6] Về việc thi hành bản án khi có hiệu lực pháp luật: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (ĐKKH số xx, quyển số yy/2010, ngày 07/12/2001) (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: HS, VT (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Thiện